

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 279/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-TTg ngày 06/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010, có định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng tổng hợp nguồn nước lưu vực Sông Trà Khúc đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-UB ngày 30/9/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bản quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Công văn số 1650/SNN-PTNT ngày 19/12/2005 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 08/BCTĐ-SKHĐT ngày 19/01/2006 về việc phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2006 - 2015, với những nội dung chính như sau:

I. Tên dự án: Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2015:

II. Phạm vi vùng quy hoạch Thủy lợi: Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

III. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.

IV. Phương thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện dự án.

V. Nguồn vốn xây dựng quy hoạch: Vốn ngân sách.

VI. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

1. Mục tiêu:

Giải quyết nguồn nước tưới cho nông nghiệp, chăn nuôi, sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản nước lợ, phòng chống lũ lụt và cấp nước duy trì dòng chảy cho hạ lưu, khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên nước phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

2. Nhiệm vụ:

a. Cấp nước tưới với mức đảm bảo 75% cho khoảng 70.000 ha đất canh tác trên địa bàn tỉnh và cấp nước cho chăn nuôi gia súc, gia cầm.

b. Cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt với mức đảm bảo 90%

- Tạo nguồn cấp nước cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh như: Khu Kinh tế Dung Quất, Khu công nghiệp Quảng Phú, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Khu công nghiệp Phổ Phong, với tổng lưu lượng 394.000m³/ ngày-đêm.

- Cấp nước cho các khu đô thị: Thành phố Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi, khu du lịch Mỹ Khê, với tổng lưu lượng 65.000m³/ ngày-đêm.

c. Tạo nguồn và cấp nước cho 3.000 ha nuôi trồng thủy sản.

d. Phòng chống lũ, giảm thiệt hại ít nhất về người và tài sản trong vùng với lũ sớm P = 5%, lũ chính vụ P = 10%.

e. Tiêu úng cho khoảng 2.800 ha lưu vực sông Thoá, đảm bảo sản xuất 2 vụ.

f. Duy trì dòng chảy hạ lưu sông vào các tháng mùa kiệt để đảm bảo hệ sinh thái hạ lưu.

g. Khai thác thủy điện trên dòng chính, tận dụng triệt để địa hình trên các lưu vực sông để xây dựng các hồ chứa nước lớn đa mục tiêu: Phát điện, bổ sung nước cho hạ lưu, cắt lũ.

VII. Phương án cấp nước:

1. Cấp nước cho nông nghiệp:

1.1 Vùng thượng lưu sông Trà Bồng:

1.1.1. Vùng Tây Trà Bồng:

- Nâng cấp 02 công trình hiện trạng Nà Hú, Suối Nguyên để đảm bảo tưới 13 ha.

- Xây dựng mới 17 công trình đảm bảo tưới cho 280 ha.

1.1.2. Vùng Đông Trà Bồng:

- Nâng cấp hoàn chỉnh và kiên cố hoá kênh mương của 18 công trình hiện trạng để tưới cho 739 ha.

- Xây dựng mới 29 công trình, trong đó 16 hồ chứa, 13 đập dâng; với năng lực thiết kế 2.290 ha.

1.2 Vùng thượng lưu sông Trà Khúc:

- Sửa chữa, nâng cấp các công trình hiện có để tưới diện tích đã được thiết kế 2.097 ha. Đặc biệt chú ý đến 23 công trình hiện trạng để đảm bảo tưới 809 ha.

- Xây dựng mới 87 công trình thuỷ lợi nhỏ tưới: 3.830 ha;

Tổng diện tích tưới: 5.927 ha, trong đó lúa: 4.450 ha, cây hoa màu và cây công nghiệp: 1.477 ha. Diện tích đất chưa có công trình tưới: 5.830 ha, trong đó đất nương rẫy: 3.627 ha, còn lại là diện tích các loại hoa màu trồng một vụ vào mùa mưa.

- Xây dựng 2 hồ chứa lớn đa mục tiêu ở thượng lưu là hồ chứa nước Nước Trong và Hồ Đăk Đrinh nhằm bổ sung nước cho hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham vào các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8 để cấp nước tưới và sinh hoạt, công nghiệp.

1.3 Vùng hạ lưu đập Thạch Nham (hạ lưu sông Trà Bồng - Trà Khúc - Sông Vệ).

Phương án cấp nước tưới cho vùng hạ lưu: Hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham phải đảm bảo tưới 50.000 ha, trong đó đất trồng lúa 27.600 ha, màu và cây công nghiệp ngắn ngày 22.400 ha, cấp nước công nghiệp: 4,47 m³/s, cấp nước đô thị: 0,40 m³/s, cấp nước nuôi trồng thuỷ sản: 4,10 m³/s, duy trì dòng chảy hạ lưu: 24,50 m³/s.

- Nâng cấp, kiên cố hoá kênh chính, kênh cấp I, cấp II và kênh nội đồng của hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham để đảm bảo tưới theo diện tích thiết kế.

- Sửa chữa, nâng cấp các công trình thuỷ lợi nhỏ thuộc hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham.

- Xây dựng 17 công trình thuỷ lợi nhỏ nhằm tận dụng nguồn nước tại chỗ để tưới hỗ trợ cho hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham.

- Vùng cát ven biển thuộc các xã Đức Minh, Đức Phong, Phổ An, Phổ Quang nằm phía Đông kênh Nam Thạch Nham có diện tích khoảng 730ha mía; Do địa hình cao chia cắt, nguồn nước Thạch Nham không tưới được, sử dụng nguồn nước ngầm để tưới.

- Xây dựng đập dâng Trà Khúc cách cầu Trà Khúc 1.100m về hạ lưu, có nhiệm vụ nâng, giữ mực nước hạ lưu cầu Trà Khúc ở cao độ +4,20m, tạo thuận lợi cho giao thông đường thuỷ, tăng mực nước ngầm, cảnh quan, môi trường sinh thái vùng hạ lưu sông.

- Xây dựng đập ngăn mặn sông Trà Bồng: Nhằm ngăn mặn, giữ ngọt tưới cho 650 ha đất canh tác và cấp nước sinh hoạt cho 30.000 ngàn người.

- Xây dựng 3 hệ thống đê, kè: Châu Ổ, Bình Trung, Bình Dương và Bình Minh (huyện Bình Sơn)

1.4 Vùng thượng lưu sông Vệ:

1.4.1. Tiểu vùng sông Vệ:

- Nâng cấp, sửa chữa các công trình đã có, thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương để đảm bảo tưới 1.124 ha.

- Xây dựng mới 43 công trình các loại tưới cho 2.200 ha. Trong đó: lúa 1.570ha, cây hoa màu và cây công nghiệp là: 630 ha.

1.4.2. Tiểu vùng sông Phước Giang:

- Nâng cấp, sửa chữa các công trình hiện có để đảm bảo tưới 1.229 ha.

- Đầu tư xây dựng mới 36 công trình để tưới cho 1.183 ha.

1.5 Vùng lưu vực sông Trà Cầu:

1.5.1. Tiểu vùng Phố Phong:

Hồ chứa nước Núi Ngang đã được xây dựng xong để đảm bảo tưới cho 1.450 ha. Cần thiết đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kênh mương các cấp đến nội đồng.

1.5.2. Tiểu vùng Tây kênh Liệt Sơn:

- Nâng cấp các công trình hiện trạng như: hồ Sở Hầu, đập Hiên Tây, đập Làng, đập An Nhơn.

- Xây dựng mới 04 công trình hồ chứa nước.

Tiểu vùng này sau khi nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới sẽ đảm bảo tưới cho 1.388 ha.

1.5.3. Tiểu vùng Đông kênh Liệt Sơn:

- Nâng cấp các công trình hiện có như:

+ Kiên cố hoá kênh mương Liệt Sơn để đảm bảo tưới cho 2.200 ha.

+ Nâng cấp 03 hồ chứa: Huân Phong, Hóc Cây, Hóc Nghi và 03 đập dâng: Nước Ró, Đập Quán, Bàu Si để đảm bảo tưới 480 ha.

- Xây dựng mới hồ Chóp Vung.

1.5.4. Tiểu vùng Phố Khánh - Phố Thạnh

- Nâng cấp 03 công trình hồ chứa nước đảm bảo tưới cho 365 ha.

- Xây dựng mới 05 công trình tưới cho 188 ha.

Đối với tiểu vùng này có khả năng tưới được 553 ha, diện tích còn lại khoảng 456 ha, trồng cây vụ mùa nhờ nước trời.

1.6 Vùng đảo Lý Sơn:

Đây là vùng hết sức khó khăn về nguồn nước nên chỉ bố trí 2 công trình Thới Lới và Giếng Tiên tưới 200 ha chủ yếu cho màu và cây thực phẩm.

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TƯỚI TOÀN TỈNH SAU QUY HOẠCH

Vùng	CT hiện trạng	CT mới	DT yêu cầu tưới	Năng lực tưới (ha)			Chưa tưới (ha)
				Tổng	Lúa	Màu+ cây CN	
Thượng Trà Bồng	54	42	4.458	3.833	2.189	1.644	625
Thượng Trà Khúc	73	90	8.131	5.527	4.450	1.477	2.204
Thượng sông Vệ	59	79	5.326	5.122	3.932	1.190	204
Hạ lưu Trà Khúc	164	23	50.000	50.000	27.600	22.400	0
Trà Câu	22	16	6.509	6.234	4.201	2.033	275
Lý Sơn		2	285	200		200	85
Tổng cộng	372	252	74.709	71.316	42.372	28.944	3.393

Sau khi quy hoạch, diện tích chưa được tưới là 3.393 ha, diện tích này nằm ở các vùng đồi núi cao, do đó dùng biện pháp tưới bằng bơm nước va.

2. Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt:

2.1 Cấp nước công nghiệp:

- Đối với các khu công nghiệp phía Bắc tỉnh thuộc hạ lưu Thạch Nham: Tổng lượng nước yêu cầu cho các Khu Kinh tế Dung Quất, Khu công nghiệp Quảng Phú, Khu công nghiệp Tịnh Phong và một số khu công nghiệp nhỏ khác khoảng 406.000 m³/ngày-đêm, nguồn nước để cung cấp cho 3 khu công nghiệp này là hệ thống thủy lợi Thạch Nham.

- Khu công nghiệp phía Nam tỉnh nằm trên trục lộ 24A: Tổng lượng nước yêu cầu: 49.250 m³/ngày - đêm. Nguồn nước cấp là công trình thủy lợi Núi Ngang.

2.2 Cấp nước dân sinh:

- Cấp nước đô thị: Nhu cầu nước cấp cho các đô thị của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010 là: 61.500 m³/ngày-đêm. Nguồn nước cung cấp cho thành phố Quảng Ngãi là nguồn nước tầng nông ven sông Trà Khúc. Cấp nước cho thành phố Vạn Tường từ nguồn nước hệ thống Thạch Nham.

- Cấp nước nông thôn: Dân số dự kiến vùng nông thôn đến năm 2010 khoảng 1,15 triệu người. Hướng cấp phổ biến là giếng khoan, giếng đào, bể chứa nước.

3. Quy hoạch cấp nước nuôi trồng thủy sản: